

CHÍNH PHỦ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2025/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2025



NGHỊ ĐỊNH

Quy định về hỗ trợ lãi suất từ ngân sách nhà nước đối với doanh nghiệp thuộc khu vực kinh tế tư nhân, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh vay vốn tại ngân hàng thương mại để thực hiện dự án xanh, tuần hoàn và áp dụng khung tiêu chuẩn môi trường, xã hội, quản trị (ESG)

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 96/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 198/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân;

Theo đề nghị của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định về hỗ trợ lãi suất từ ngân sách nhà nước đối với doanh nghiệp thuộc khu vực kinh tế tư nhân, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh vay vốn tại ngân hàng thương mại để thực hiện dự án xanh, tuần hoàn và áp dụng khung tiêu chuẩn môi trường, xã hội, quản trị (ESG).

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về hỗ trợ lãi suất từ ngân sách nhà nước đối với doanh nghiệp thuộc khu vực kinh tế tư nhân, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh vay vốn tại ngân hàng thương mại để thực hiện dự án xanh, tuần hoàn và áp dụng khung tiêu chuẩn môi trường, xã hội, quản trị (ESG) theo Nghị quyết 198/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Khách hàng vay vốn tại ngân hàng thương mại để thực hiện dự án xanh, tuần hoàn và áp dụng khung tiêu chuẩn môi trường, xã hội, quản trị (ESG) bao gồm:

a) Doanh nghiệp thuộc khu vực kinh tế tư nhân theo Nghị định này là doanh nghiệp được thành lập hoặc đăng ký thành lập theo quy định của Luật Doanh

ng nghiệp và có trụ sở chính tại Việt Nam, không bao gồm doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.

b) Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 3 Nghị quyết số 198/2025/QH15 của Quốc hội.

2. Ngân hàng thương mại được thành lập và hoạt động theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng.

3. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) thực hiện hỗ trợ lãi suất theo quy định tại Nghị định này.

4. Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Nguyên tắc hỗ trợ lãi suất

1. Việc hỗ trợ lãi suất bảo đảm công khai, minh bạch, đúng đối tượng, đúng mục đích, tránh việc trục lợi chính sách.

2. Ngân sách Nhà nước bố trí đầy đủ, kịp thời nguồn kinh phí hỗ trợ lãi suất đối với khách hàng theo Nghị định này.

3. Việc thực hiện hỗ trợ lãi suất theo Nghị định này áp dụng đối với số tiền vay giải ngân đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2030 hoặc kết thúc sớm hơn theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

4. Chính sách hỗ trợ lãi suất từ ngân sách nhà nước theo Nghị định này được áp dụng đối với khoản vay chưa được hưởng hỗ trợ lãi suất từ ngân sách nhà nước.

Điều 4. Điều kiện được hỗ trợ lãi suất

1. Khách hàng vay vốn tại ngân hàng thương mại được ngân sách nhà nước hỗ trợ lãi suất đối với các khoản vay đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

a) Khoản vay được sử dụng để thực hiện dự án được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền xác nhận đáp ứng các tiêu chí là dự án xanh, tuần hoàn và áp dụng khung tiêu chuẩn môi trường, xã hội, quản trị (ESG) theo quy định tại quyết định của Thủ tướng Chính phủ và thuộc Danh sách các dự án xanh, tuần hoàn và áp dụng khung tiêu chuẩn môi trường, xã hội, quản trị (ESG) được công bố trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

b) Khoản vay được sử dụng đúng mục đích theo quy định tại điểm a khoản này;

c) Khoản vay bằng đồng Việt Nam, được ký kết thỏa thuận cho vay và giải ngân kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

2. Không tiếp tục thực hiện hỗ trợ lãi suất cho khách hàng theo Nghị định này trong các trường hợp sau:

a) Khoản vay có số dư nợ gốc bị quá hạn và/hoặc số dư lãi chậm trả không được hỗ trợ lãi suất đối với nghĩa vụ trả nợ lãi tại kỳ hạn trả nợ lãi mà thời điểm trả nợ nằm trong khoảng thời gian có số dư nợ gốc bị quá hạn và/hoặc số dư lãi

chậm trả. Khoản vay chỉ được tiếp tục hỗ trợ lãi suất đối với các kỳ hạn trả nợ lãi tiếp theo sau khi khách hàng đã trả hết số dư nợ gốc bị quá hạn và/hoặc số dư lãi chậm trả;

b) Khoản vay đã thực hiện cơ cấu lại thời hạn trả nợ, trừ trường hợp cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ theo quy định của pháp luật;

c) Khoản vay thực hiện dự án không còn duy trì các tiêu chí xanh, tuần hoàn và áp dụng khung tiêu chuẩn môi trường, xã hội, quản trị (ESG) theo văn bản thông báo của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền, được cập nhật thông tin tại Danh sách các dự án xanh, tuần hoàn và áp dụng khung tiêu chuẩn môi trường, xã hội, quản trị (ESG) được công bố trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Điều 5. Thời hạn, mức lãi suất hỗ trợ và xác định số tiền hỗ trợ lãi suất

1. Thời hạn hỗ trợ lãi suất được xác định theo thời hạn cho vay của ngân hàng thương mại đối với khách hàng theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Mức lãi suất hỗ trợ đối với khách hàng là 2%/năm, tính trên số dư nợ gốc tiền vay theo quy định tại khoản 3 Điều 3 và thời hạn quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Tổng số tiền hỗ trợ lãi suất thực tế đề nghị ngân sách nhà nước thanh toán là tổng số tiền lãi thực tế thanh toán cho tất cả các khoản vay của khách hàng đủ điều kiện được hỗ trợ lãi suất quy định tại Nghị định này.

Số tiền hỗ trợ lãi suất thực tế thanh toán cho một khoản giải ngân được tính theo công thức:

$$I = 2\% \times \sum(DixTi)/365$$

Trong đó:

- I là số tiền hỗ trợ lãi suất thực tế thanh toán cho một khoản giải ngân;
- $\sum(DixTi)$ là tổng các tích số giữa số dư nợ với số ngày dư nợ thực tế được hỗ trợ lãi suất của khoản vay.
- Số tiền hỗ trợ lãi suất thực tế thanh toán cho một khoản vay là tổng số tiền lãi suất thực tế thanh toán cho tất cả các khoản giải ngân của khoản vay đó.

Điều 6. Phương thức hỗ trợ lãi suất

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện hỗ trợ lãi suất cho khách hàng định kỳ 2 lần/năm (lần 1 từ ngày 1/1 đến hết ngày 30/6, lần 2 từ ngày 1/7 đến hết ngày 31/12) từ nguồn kinh phí hỗ trợ lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị định này.

Điều 7. Trình tự, thủ tục lập dự toán, thực hiện dự toán và quyết toán hỗ trợ lãi suất

Phương án 1:

Trình tự, thủ tục lập dự toán, thực hiện dự toán và quyết toán hỗ trợ lãi suất

theo Nghị định này các địa phương thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

(Bổ sung thêm trách nhiệm của Bộ Tài chính tại khoản 3 Điều 11 về hướng dẫn quy trình thực hiện hỗ trợ lãi suất cho khách hàng quy định tại Nghị định này theo ý kiến tham gia của các địa phương).

Phương án 2: Quy định trực tiếp tại Nghị định này trình tự, thủ tục lập dự toán, thực hiện dự toán và quyết toán hỗ trợ lãi suất để UBND tỉnh hướng dẫn thực hiện hỗ trợ lãi suất mà không cần hướng dẫn của Bộ Tài chính

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập dự toán, thực hiện dự toán, quyết toán tiền hỗ trợ lãi suất trong quy trình lập dự toán, thực hiện dự toán, quyết toán ngân sách địa phương hằng năm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và pháp luật có liên quan.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng dự toán chi hỗ trợ lãi suất theo quy định tại Nghị định này trong dự toán chi ngân sách của cấp tỉnh hằng năm phù hợp với nhu cầu thực tế của địa phương.

3. Căn cứ hồ sơ đề nghị hỗ trợ lãi suất của khách hàng và thông tin về dự án thuộc Danh sách dự án xanh, tuần hoàn và áp dụng khung tiêu chuẩn môi trường, xã hội, quản trị (ESG) được công bố trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Môi trường tại thời điểm hỗ trợ lãi suất, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện dự toán, quyết toán số tiền hỗ trợ lãi suất đối với khách hàng:

a) Thực hiện dự toán ngân sách nhà nước hỗ trợ lãi suất

- Trước ngày 10 tháng 01 và ngày 10 tháng 07 hằng năm, khách hàng vay vốn gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị thanh toán hỗ trợ lãi suất của 06 tháng trước liền kề đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (theo một trong các hình thức: gửi trực tiếp qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tuyến qua Cổng dịch vụ công Quốc gia). Hồ sơ gồm:

+ Văn bản đề nghị hỗ trợ lãi suất (theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này);

+ Bản sao văn bản của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền xác nhận dự án đáp ứng tiêu chí là dự án xanh, tuần hoàn và áp dụng khung tiêu chuẩn môi trường, xã hội, quản trị (ESG);

+ Bản sao hợp đồng tín dụng/Thỏa thuận cho vay giữa khách hàng và ngân hàng thương mại;

+ Thông tin khách hàng vay vốn để thực hiện dự án trên địa bàn do ngân hàng thương mại lập (theo Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này).

- Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do hoặc phản hồi trên Cổng dịch vụ công Quốc gia cho khách hàng trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

- Trong thời hạn 25 ngày kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ theo quy định tại điểm này, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc thanh toán cho khách

hàng. Số tiền thanh toán cho khách hàng bằng 85% số tiền lãi vay đề nghị ngân sách nhà nước hỗ trợ khách hàng (theo Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này). Số tiền hỗ trợ lãi suất còn lại được thanh toán sau khi hoàn tất thủ tục quyết toán ngân sách nhà nước theo quy định trong trường hợp được phê chuẩn, xét duyệt quyết toán.

Trường hợp không hỗ trợ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản trả lời khách hàng và nêu rõ lý do.

- Việc thanh toán cho khách hàng từ ngân sách địa phương thực hiện theo quy định tại Luật Ngân sách nhà nước, các văn bản pháp luật có liên quan và hướng dẫn của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

b) Quyết toán hỗ trợ lãi suất hằng năm

Trước ngày 15 tháng 3 hằng năm, khách hàng gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hồ sơ đề nghị quyết toán hỗ trợ lãi suất năm trước liền kề. Hồ sơ gồm 01 bản sao Báo cáo kiểm toán của kiểm toán và hồ sơ quy định tại điểm a khoản 3 Điều này (theo số liệu đã được kiểm toán).

Việc quyết toán hỗ trợ lãi suất từ ngân sách địa phương được thực hiện theo trình tự, thủ tục quyết toán ngân sách nhà nước theo quy định tại Luật Ngân sách nhà nước, các văn bản pháp luật có liên quan và hướng dẫn của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

4. Trường hợp số tiền hỗ trợ lãi suất trong năm thực tế phát sinh lớn hơn số dự toán được bố trí thì sẽ được tổng hợp phân chênh lệch bố trí dự toán thiếu vào dự toán các năm sau. Trường hợp số tiền hỗ trợ lãi suất trong năm thực tế phát sinh nhỏ hơn số dự toán được bố trí, phân chênh lệch bố trí dự toán thừa thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công, Nghị định này, các văn bản hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có).

Điều 8. Nguồn vốn thực hiện chính sách

1. Nguồn kinh phí hỗ trợ lãi suất

Địa phương bố trí kinh phí trong kế hoạch chi hằng năm của địa phương mình để thực hiện hỗ trợ lãi suất theo Nghị định này. Trường hợp các địa phương chưa bố trí được kinh phí để thực hiện chính sách hỗ trợ lãi suất, ngân sách trung ương hỗ trợ toàn bộ kinh phí thực hiện hỗ trợ lãi suất thực hiện theo Nghị định này.

2. Nguồn vốn cho vay

Các ngân hàng thương mại bố trí nguồn vốn cho vay để khách hàng thực hiện các dự án xanh, tuần hoàn và áp dụng khung tiêu chuẩn môi trường, xã hội, quản trị (ESG) theo quy định tại Nghị định này, bao gồm nguồn vốn tự có, nguồn vốn huy động và các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Xử lý thu hồi số tiền đã hỗ trợ lãi suất

Trong quá trình thực hiện, trường hợp cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, ngân hàng thương mại xác định khách hàng không thuộc đối tượng áp dụng

hỗ trợ lãi suất hoặc khách hàng vi phạm điều kiện hỗ trợ lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 2 và khoản 1 Điều 4 Nghị định này, cơ quan thanh tra, kiểm tra, ngân hàng thương mại có văn bản gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo yêu cầu khách hàng phải hoàn trả số tiền đã được ngân sách hỗ trợ lãi suất và thực hiện thu hồi số tiền phải hoàn trả cho ngân sách nhà nước.

Điều 10. Tổ chức thực hiện

1. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

a) Hướng dẫn các ngân hàng thương mại thực hiện cho vay hỗ trợ lãi suất theo Nghị định này;

b) Theo dõi tình hình triển khai thực hiện Nghị định; phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và các cơ quan có liên quan thực hiện báo cáo theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền kết quả hỗ trợ lãi suất theo Nghị định này;

c) Thực hiện thanh tra, giám sát cho vay hỗ trợ lãi suất theo quy định của pháp luật về hoạt động ngân hàng.

2. Bộ Nông nghiệp và Môi trường

a) Trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định hướng dẫn xác nhận dự án xanh, tuần hoàn và áp dụng khung tiêu chuẩn môi trường, xã hội, quản trị (ESG) để được hưởng chính sách hỗ trợ lãi suất theo quy định tại Nghị định này;

b) Theo dõi, tổng hợp, cập nhật và công bố định kỳ vào ngày 30/6 và 31/12 hằng năm trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Môi trường Danh sách dự án xanh, tuần hoàn và áp dụng khung tiêu chuẩn môi trường, xã hội, quản trị (ESG) theo văn bản xác nhận/thông báo của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền.

Danh sách dự án xanh, tuần hoàn và áp dụng khung tiêu chuẩn môi trường, xã hội, quản trị (ESG) là cơ sở để tra cứu, thực hiện hỗ trợ lãi suất, bao gồm tối thiểu các thông tin sau: tên dự án, chủ dự án, địa điểm thực hiện dự án; thời gian được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền xác nhận là dự án xanh, tuần hoàn và áp dụng khung tiêu chuẩn môi trường, xã hội, quản trị (ESG); tình trạng đang duy trì hoặc không duy trì là dự án xanh, tuần hoàn và áp dụng khung tiêu chuẩn môi trường, xã hội, quản trị (ESG). Danh sách này được lưu giữ riêng tại từng thời điểm công bố để đảm bảo không có sự biến động so với thời điểm công bố;

c) Hướng dẫn các ngân hàng thương mại, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và các tổ chức, cá nhân liên quan kết nối liên thông, tra cứu Danh sách dự án xanh, tuần hoàn và áp dụng khung tiêu chuẩn môi trường, xã hội, quản trị (ESG) đảm bảo thuận tiện, dễ dàng.

3. Bộ Tài chính

a) Hướng dẫn trình tự, thủ tục lập dự toán, thực hiện dự toán và quyết toán hỗ trợ lãi suất cho khách hàng quy định tại Nghị định này (theo phương án 1 Điều 7);

b) Trình cấp có thẩm quyền cân đối, bố trí nguồn kinh phí hỗ trợ lãi suất theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công, Nghị định này,

các văn bản hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có);

c) Kịp thời xử lý các khó khăn, vướng mắc có liên quan đến trình tự, thủ tục lập dự toán, thực hiện dự toán và quyết toán hỗ trợ lãi suất theo quy định tại Nghị định này;

4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

a) Hướng dẫn thực hiện hỗ trợ lãi suất cho khách hàng theo quy định tại Nghị định này;

b) Trình cấp có thẩm quyền cân đối, bố trí nguồn kinh phí hỗ trợ lãi suất theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công, Nghị định này, các văn bản hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có);

c) Theo dõi việc triển khai các dự án xanh, tuần hoàn và áp dụng khung tiêu chuẩn môi trường, xã hội, quản trị (ESG) trên địa bàn được vay vốn hỗ trợ lãi suất theo Nghị định này; thực hiện báo cáo tình hình hỗ trợ lãi suất (theo Mẫu số 03 và Mẫu số 04 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này);

d) Thực hiện chức năng thanh tra, kiểm tra, giám sát đối với nguồn ngân sách nhà nước hỗ trợ lãi suất cho khách hàng vay vốn đúng quy định của pháp luật;

đ) Phối hợp với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các cơ quan liên quan xử lý các khó khăn vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện hỗ trợ lãi suất trên địa bàn.

5. Ngân hàng thương mại

a) Thực hiện cho vay đối với khách hàng để thực hiện dự án xanh, tuần hoàn và áp dụng khung tiêu chuẩn môi trường, xã hội, quản trị (ESG) theo quy định tại Nghị định này và các quy định pháp luật có liên quan;

b) Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh triển khai hỗ trợ lãi suất theo quy định tại Nghị định này và hướng dẫn của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

c) Cung cấp thông tin cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trường hợp phát hiện khoản vay của khách hàng vi phạm đối tượng, điều kiện hỗ trợ lãi suất để thực hiện xử lý thu hồi số tiền đã hỗ trợ lãi suất theo quy định tại Điều 9 Nghị định này;

d) Kịp thời báo cáo cấp có thẩm quyền các khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện các quy định tại Nghị định này.

6. Khách hàng vay vốn

a) Sử dụng vốn vay được hỗ trợ lãi suất đúng mục đích, triển khai thực hiện dự án theo đúng quy định tại Quyết định của Thủ tướng Chính phủ xác nhận dự án xanh, tuần hoàn và áp dụng khung tiêu chuẩn môi trường, xã hội, quản trị (ESG);

b) Chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp lệ và hợp pháp của các hồ sơ, thông tin, tài liệu cung cấp cho ngân hàng thương mại và báo cáo Ủy ban nhân

dân cấp tỉnh; có trách nhiệm phối hợp với ngân hàng thương mại trong việc báo cáo cấp có thẩm quyền về tình hình triển khai dự án được hỗ trợ lãi suất;

c) Kịp thời hoàn trả ngân sách nhà nước số tiền hỗ trợ lãi suất bị thu hồi theo quy định tại Điều 9 Nghị định này.

Điều 11. Hiệu lực thi hành và tổ chức thực hiện

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày/.../....

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên và Tổng Giám đốc ngân hàng thương mại chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố;
- Văn phòng TW và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý PTTg, Cổng TTĐT;
- các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KTTH (5b).



TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Mẫu số 01

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày.... tháng....năm....
(Ban hành kèm theo Nghị định số .../2025/NĐ-CP ngày tháng năm 2025 của Chính phủ)

ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ LÃI SUẤT

Để thực hiện dự án xanh, tuần hoàn và áp dụng khung tiêu chuẩn môi trường, xã hội và quản trị (ESG)

(Kỳ hỗ trợ lãi suất từ ngày.../.../.... đến ngày/...../....)

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố.....

I. Thông tin chung về tổ chức, cá nhân thực hiện dự án

1. Tên tổ chức, cá nhân:.....
2. Người đại diện theo pháp luật:.....
3. Chức vụ:.....
4. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh), mã số thuế (đối với cá nhân kinh doanh):
5. Địa chỉ:.....
6. Điện thoại..... Email:.....

II. Nội dung đề nghị hỗ trợ lãi suất

1. Thông tin về dự án

1.1. Dự án 1:

- a. Tên dự án:
- b. Địa điểm thực hiện dự án:
- c. Ngân hàng thương mại cho vay thực hiện dự án:
- d. Số tiền lãi vay đề nghị hỗ trợ lãi suất từ ngày.../.../..... đến ngày .../.../.....: đồng
- đ. Số tiền hỗ trợ lãi suất đề nghị thanh toán từ ngày.../.../..... đến ngày .../.../..... (= 85% số tiền lãi vay đã trả ngân hàng tại ý d điểm này): đồng

1.2. Dự án 2:

- a. Tên dự án:
- b. Địa điểm thực hiện dự án:
- c. Ngân hàng thương mại cho vay thực hiện dự án:
- d. Số tiền lãi vay đã trả ngân hàng từ ngày.../.../..... đến ngày/.../.....: đồng

đ. Số tiền hỗ trợ lãi suất đề nghị thanh toán từ ngày....../.../..... đến ngày/.../..... (= 85% số tiền lãi vay đã trả ngân hàng tại ý d điểm này): đồng

2. Đề nghị hỗ trợ lãi suất

- Căn cứ Nghị định số.../NĐ-CP ngày... tháng...năm... của Chính phủ quy định về hỗ trợ lãi suất từ ngân sách nhà nước đối với doanh nghiệp thuộc khu vực kinh tế tư nhân, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh vay vốn tại ngân hàng thương mại để thực hiện dự án xanh, tuần hoàn và áp dụng khung tiêu chuẩn môi trường, xã hội, quản trị (ESG).

- Căn cứ văn bản số của Ủy ban nhân dân tỉnh.... hướng dẫn thực hiện hỗ trợ lãi suất cho khách hàng theo quy định tại Nghị định số.../NĐ-CP ngày... tháng...năm... của Chính phủ.

[Tên tổ chức, cá nhân thực hiện dự án] đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh.... xem xét, thực hiện hỗ trợ lãi suất vay vốn cụ thể như sau:

2.1. Tổng số tiền lãi vay đề nghị hỗ trợ lãi suất từ ngày....../.../..... đến ngày/.../.....(gồm tổng số tiền lãi vay đề nghị hỗ trợ lãi suất của tất cả các dự án tại ý d điểm 1 Mục 1 Phần này): đồng

Trong đó:

- Tổng số tiền hỗ trợ lãi suất đề nghị thanh toán từ ngày....../.../..... đến ngày/.../..... (gồm tổng số tiền hỗ trợ lãi suất đề nghị thanh toán của tất cả các dự án ý d điểm 1 Mục 1 Phần này): đồng.

- Tổng số tiền hỗ trợ lãi suất còn lại đề nghị thanh toán sau khi hoàn tất thủ tục quyết toán ngân sách nhà nước:.....đồng.

2.2. Số tài khoản:....., Tên đơn vị thụ hưởng:.....
Mở tại ngân hàng:.....

2.3. Tài liệu kèm theo gồm:

- Bản sao văn bản của cơ quan/tổ chức có thẩm quyền xác nhận dự án đáp ứng tiêu chí là dự án xanh, tuần hoàn và áp dụng khung tiêu chuẩn môi trường, xã hội, quản trị (ESG).

- Bản sao hợp đồng tín dụng/thỏa thuận cho vay, chứng từ nhận nợ đã ký với ngân hàng thương mại.

- Thông tin khách hàng vay vốn thực hiện dự án được hỗ trợ lãi suất (Mẫu số 03).

[Tên tổ chức, cá nhân thực hiện dự án] xin cam kết triển khai thực hiện dự án theo đúng quy định tại Quyết định của Thủ tướng Chính phủ xác nhận dự án xanh, tuần hoàn và áp dụng khung tiêu chuẩn môi trường, xã hội, quản trị (ESG) và sử dụng vốn vay được hỗ trợ lãi suất đúng mục đích, trường hợp vi phạm sẽ hoàn trả lại số tiền đã nhận hỗ trợ lãi suất vay vốn và chịu trách nhiệm trước pháp luật về cam kết của mình.

Kính đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh..... xem xét, xử lý./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- NHTM/Chi nhánh NHTM cho vay HTLS.
- Lưu:

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
THỰC HIỆN DỰ ÁN**

(Ký tên, đóng dấu)

Lưu ý:

- Trường hợp dự án xanh, tuần hoàn và áp dụng khung tiêu chuẩn môi trường, xã hội và quản trị (ESG) được thực hiện trên địa bàn từ 2 tỉnh trở lên, khách hàng xác định dư nợ khoản vay thực hiện dự án trên địa bàn từng tỉnh làm căn cứ để ngân hàng thương mại tính số lãi tiền vay được hỗ trợ tương ứng với dư nợ vay thực hiện dự án trên địa bàn tỉnh đó.

- Thời hạn gửi: Lần 1 trước 10/7; Lần 2 trước ngày 10/1.



TÊN NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CHO VAY

Mẫu số 02

**THÔNG TIN KHÁCH HÀNG VAY VỐN THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐƯỢC HỖ TRỢ LÃI SUẤT
THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ.../NĐ-CP**

(Kỳ hỗ trợ lãi suất từ ngày.../.../... đến ngày .../.../...)

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố.....

Ngân hàng thương mại gửi các thông tin liên quan đến khách hàng vay vốn thực hiện dự án được hỗ trợ lãi suất theo quy định tại Nghị định số .../NĐ-CP ngày.../.../... của Chính phủ trên địa bàn tỉnh..... như sau:

1. Thông tin chung về khách hàng vay vốn để thực hiện dự án

- Tên doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh:.....
- Người đại diện theo pháp luật:.....
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh), mã số thuế (đối với cá nhân kinh doanh):
- Địa chỉ:.....
- Khoản vay của khách hàng đề nghị hỗ trợ lãi suất để thực hiện:
 - + Dự án 1: (Tên dự án, địa điểm thực hiện dự án):.....
 - + Dự án 2: (Tên dự án, địa điểm thực hiện dự án):.....

2. Chi tiết số tiền khách hàng đề nghị hỗ trợ lãi suất

- Tổng số tiền lãi vay đề nghị hỗ trợ lãi suất từ ngày.../.../... đến ngày .../.../...: đồng;
- Tổng số tiền hỗ trợ lãi suất đề nghị thanh toán từ ngày.../.../... đến ngày .../.../... (= 85% số tiền lãi vay đã trả ngân hàng từ ngày.../.../... đến ngày .../.../...): đồng;
- Tổng số tiền hỗ trợ lãi suất còn lại chưa thanh toán từ ngày.../.../... đến ngày .../.../... (= 15% số tiền lãi vay đã trả ngân hàng từ ngày.../.../... đến ngày .../.../...): đồng.

3. Bảng kê tích số để xác định số tiền hỗ trợ lãi suất chi tiết như sau:

Đơn vị: đồng

STT	Dư nợ	Kỳ tính lãi từ ngày	Kỳ tính lãi đến ngày	Số ngày phát sinh lãi	Số tiền lãi vay đề nghị hỗ trợ lãi suất	Số tiền lãi vay được hỗ trợ lãi suất đề nghị NSNN thanh toán	Số tiền lãi vay được hỗ trợ lãi suất còn lại chưa thanh toán
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (2) × (5) × 2%	(7) = 85% × (6)	(8) = (6) - (7)
1. Khoản vay thực hiện Dự án 1							
2. Khoản vay thực hiện Dự án 2	...						
.....							
Tổng cộng							

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, ghi rõ họ tên)

KIỂM SOÁT

(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN NGÂN HÀNG

(Ký, ghi rõ họ tên)

KHÁCH HÀNG

(Người đại diện theo pháp luật ký, ghi rõ họ tên)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Khách hàng vay vốn;
- Lưu:

Lưu ý:

- Ngân hàng thương mại chỉ gửi thông tin khách hàng vay vốn thực hiện dự án được hỗ trợ lãi suất theo Mẫu biểu này cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh khi khách hàng đủ điều kiện hỗ trợ lãi suất theo quy định tại Nghị định này.
- Trường hợp dự án xanh, tuần hoàn và áp dụng khung tiêu chuẩn môi trường, xã hội và quản trị (ESG) được thực hiện trên địa bàn từ 2 tỉnh trở lên, khách hàng xác định dư nợ khoản vay thực hiện dự án trên địa bàn từng tỉnh làm căn cứ để ngân hàng thương mại tính số lãi tiền vay được hỗ trợ tương ứng với dư nợ vay thực hiện dự án trên địa bàn tỉnh đó.
- Thời hạn gửi: Lần 1 trước 10/7; Lần 2 trước ngày 10/1.



Mẫu số 03

(Ban hành kèm theo Nghị định số .../2025/NĐ-CP ngày tháng năm 2025 của Chính phủ)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

Số:...../BC-.....

BÁO CÁO

**Về kết quả thực hiện hỗ trợ lãi suất của khách hàng vay vốn tại ngân hàng
thương mại theo Nghị quyết số 198/2025/QH15**

Kỳ....Năm...

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

1. Dự toán chi hỗ trợ lãi suất được giao trong năm: ... đồng.
2. Số tiền đã được ngân sách nhà nước thanh toán trong kỳ báo cáo (bao gồm cả số tiền đã được ngân sách nhà nước thanh toán trong tháng 01 năm sau): ... đồng.
3. Lũy kế số tiền được ngân sách nhà nước thanh toán hỗ trợ lãi suất tính đến kỳ báo cáo: ... đồng; trong đó chi tiết như sau:

Đơn vị: đồng

STT	Số lượng doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh được hỗ trợ lãi suất	Số lượng dự án	Số tiền giải ngân cho vay trong kỳ báo cáo	Số tiền đã hỗ trợ lãi suất trong kỳ báo cáo	Số tiền đã hỗ trợ lãi suất bị thu hồi trong kỳ báo cáo	Số tiền được thanh toán hỗ trợ lãi suất trong kỳ báo cáo
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(4)-(5)
1.	Khách hàng A					
2.	Khách hàng B					
...						
	Tổng số					

4. Số tiền ngân sách nhà nước đã thanh toán hỗ trợ lãi suất thừa/thiếu:... đồng.
5. Các khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai (nếu có).

6. Đề xuất, kiến nghị (nếu có).

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, ghi rõ họ tên)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

(Ký tên, đóng dấu)

Lưu ý:

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo theo Mẫu này định kỳ 2 lần/năm (thời gian chốt số liệu: lần 1 từ ngày 1/1 đến hết ngày 30/6, lần 2 từ ngày 1/7 đến hết ngày 31/12).

- Thời hạn gửi báo cáo trước ngày 15/2 và 15/8 hằng năm.

- Phương thức gửi báo cáo thực hiện theo phương thức gửi trực tiếp văn bản giấy hoặc khuyến khích gửi qua hệ thống phần mềm liên thông điện tử.



Mẫu số 04

(Ban hành kèm theo Nghị định số .../2025/NĐ-CP ngày tháng năm 2025 của Chính phủ)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH... CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

Số:...../BC-.....

BÁO CÁO

**Tổng hợp tình hình thực hiện hỗ trợ lãi suất của khách hàng vay vốn tại
ngân hàng thương mại theo Nghị quyết số 198/2025/QH15**

(Từ năm....đến năm...)

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

1. Kết quả thực hiện hỗ trợ lãi suất

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nội dung	Tổng số doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh được hỗ trợ lãi suất	Tổng số dự án được hỗ trợ lãi suất	Tổng số tiền đã hỗ trợ lãi suất trong năm	Số tiền đã hỗ trợ lãi suất bị thu hồi trong năm	Số tiền thực tế đã hỗ trợ lãi suất trong năm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(5)-(6)
1	Năm....					
2	Năm....					
3	Năm.....					
4						
	Tổng số					

2. Các khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai (nếu có).

3. Đề xuất, kiến nghị (nếu có).

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, ghi rõ họ tên)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

(Ký tên, đóng dấu)

Lưu ý:

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo theo Mẫu này định kỳ hằng năm, thời gian chốt số liệu từ ngày 1/1 đến hết 31/3 năm liền sau.

- Thời hạn gửi báo cáo trước ngày 30/5 hằng năm.

- Phương thức gửi báo cáo thực hiện theo phương thức gửi trực tiếp văn bản giấy hoặc khuyến khích gửi qua hệ thống phần mềm liên thông điện tử.

Su